

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
annual report 2005

MỤC LỤC

■ Dấu ấn 2005	3	49
■ Một số chỉ tiêu tài chính	7	53
■ Thông điệp gửi các nhà đầu tư	9	55
■ Kết quả hoạt động kinh doanh	11	57
◆ Tăng trưởng nguồn vốn	12	58
◆ Sử dụng vốn	14	60
◆ Hỗ trợ thanh toán thương mại ngoài cho vay	17	63
■ Các chiến lược phát triển khác trong năm	19	
◆ Dịch vụ thẻ	20	65
◆ Phát triển nguồn nhân lực	21	66
◆ Công ty chứng khoán HABUBANK	21	67
■ Quản lý rủi ro	23	67
◆ Rủi ro tín dụng	24	69
◆ Rủi ro thanh khoản	25	
◆ Rủi ro hoạt động	25	70
■ Hướng tới 2006	27	71
■ Các báo cáo tài chính 2005	29	73
◆ Báo cáo của Hội đồng quản trị	30	73
◆ Báo cáo kiểm toán	33	75
◆ Bảng cân đối kế toán	34	76
◆ Báo cáo kết quả kinh doanh và lợi nhuận để lại	35	79
◆ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	36	81
		82
		85
		86
		95
		111

CONTENTS

■ 2005 Milestones	
■ Financial Highlights	
■ Message by the Chairman	
■ 2005 Performance	
◆ Capital growth	
◆ Use of funds	
◆ International trade financing and settlements Other than lending	
■ Other Strategic Development in the year	
◆ Card services	
◆ Human resources development	
◆ HABUBANK securities co., ltd.	
■ HABUBANK - A Look from Risk Management perspective	
◆ Credit risks	
◆ Liquidity risks	
◆ Operational risks	
■ Towards 2006	
■ Audited Financial Reports	
◆ Report of the board of management	
◆ Auditors' Report	
◆ Balance sheet	
◆ Statement of income and retained earnings	
◆ Statement of cash flows	
■ Notes to Financial Statements	
◆ General	
◆ Details of Selected Balances in the Financial Statements	
■ Correspondent Bank Network	



DẤU ẤN 2005

Tháng 1

- Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 14 ngày 14/1/2005: Thông qua kết quả kinh doanh năm 2004 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2005, trong đó có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VNĐ.

Tháng 3

- Ngày 21/3/2005, chính thức thành lập Trung tâm Thẻ trực thuộc Hội sở, tăng cường phát triển mảng dịch vụ ngân hàng tự động trên toàn hệ thống.
- Thành lập Tổ pháp chế ngày 29/3/2005 với nòng cốt là các cán bộ nghiệp vụ giỏi nhất của từng nghiệp vụ để hỗ trợ Ban Điều hành trong việc xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện các văn bản chính sách của ngân hàng.

Tháng 4

- 06/4/2006 hoàn thành việc tăng vốn Điều lệ đợt 1 năm 2005 lên 250 tỷ VNĐ.

Tháng 5

- Khai trương Chi nhánh Vạn Phúc tại 2C, Vạn Phúc, Ba Đình, Hà Nội và Phòng giao dịch Võ Cường trực thuộc Chi nhánh Bắc Ninh tại 324, thôn Hoà Đình, xã Võ Cường, Bắc Ninh.

Tháng 6

- Thành lập Phòng giao dịch Thẻ Giao trực thuộc Hội Sở tại số 11A Thẻ Giao, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Khai trương Phòng giao dịch số 2 trực thuộc Chi nhánh Quảng Ninh tại Tổ 46B, Khu 5, phường Hà Tu, Tp Hạ Long, Quảng Ninh

Tháng 7

- Thành lập Phòng Chiến lược - Hợp tác - Marketing ngày 25/7/2005, trên cơ sở nền tảng và mở rộng Phòng Marketing, Nghiên cứu thị trường và Quan hệ cộng đồng với mục tiêu đảm bảo quản lý chiến lược phát triển tốt hơn và tăng cường hợp tác của HABUBANK với các đối tác quốc tế.

Tháng 8

- Hoàn thành thủ tục xin phép thành lập Công ty Chứng khoán HABUBANK (HABUBANK SECURITIES) với Ban



Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 14 ngày 14/1/2005



Ngày 21/3/2005, chính thức thành lập Trung tâm Thẻ trực thuộc Hội sở



Khai trương Chi nhánh Vạn Phúc tại 2C, Vạn Phúc, Ba đình, Hà Nội



Thành lập Phòng giao dịch Thẻ giao



Hoàn thành thủ tục xin phép thành lập Công ty Chứng khoán
HABUBANK (HABUBANK SECURITIES)



Ngày hội nhân viên HABUBANK lần thứ 2 được tổ chức vào ngày
26/11/2005



HABUBANK trở thành thành viên chính thức của hệ thống VNBC
từ ngày 15/12/2005



Ngày 16/12/2005, Hội nghị khách hàng năm 2005 được tổ
chức thành công rực rỡ

cán sự gồm: Bà Dương Thu Hà, Ủy viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch Công ty Chứng khoán; Ông Đỗ Trọng Thắng, Phó Tổng Giám đốc giữ chức vụ Giám đốc Công ty.

Tháng 9

- HABUBANK là ngân hàng đầu tiên trong hệ thống toàn quốc cán đích hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2005.

Tháng 10

- Khởi động dự án "Nâng cấp hạ tầng dữ liệu thông tin phục vụ cho kinh doanh, quản trị và điều hành" với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngân hàng thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý tập trung chú trọng khách hàng, tăng cường khả năng phát triển sản phẩm mới và cung ứng dịch vụ nhanh chóng, an toàn, chính xác.
- Hoàn thành việc tăng vốn Điều lệ lần 2 năm 2005 lên 300 tỷ VNĐ từ ngày 20/10/2005.
- Bổ nhiệm bà Nguyễn Dự Hương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc HABUBANK phụ trách phát triển dịch vụ ngân hàng cá nhân.

Tháng 11

- Ngày hội nhân viên HABUBANK lần thứ 2 được tổ chức vào ngày 26/11/2005, các nhân viên ngân hàng cùng gia đình hoà trong niềm vui chung của đại gia đình HABUBANK, chào đón một mùa xuân đến sớm với các chỉ tiêu năm 2005 đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Tháng 12

- HABUBANK trở thành thành viên chính thức của hệ thống VNBC từ ngày 15/12/2005. Từ đây các khách hàng sử dụng dịch vụ Thẻ thanh toán của Habubank sẽ được hưởng thêm những tiện ích về dịch vụ do hệ thống VNBC mang lại.
- Ngày 16/12/2005, Hội nghị khách hàng năm 2005 được tổ chức thành công rực rỡ. Đây là dịp HABUBANK tri ân khách hàng, những người bạn đồng hành thân thiết đã góp phần cùng HABUBANK làm nên một năm phát triển vượt bậc, tô đậm những dấu ấn tốt đẹp của giai đoạn phát triển 2000 - 2005, mở ra những động lực cho chiến lược phát triển nhanh, mạnh và toàn diện giai đoạn 2006 - 2010.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH



Hoạt động của ngân hàng luôn tuân theo phương châm: "HABUBANK cung ứng một cách toàn diện các dịch vụ sản phẩm tài chính ngân hàng có chất lượng cao, sáng tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu và mong muốn của từng đối tượng khách hàng với sự kiên trì và tích cực để đưa ra các giá trị đích thực, tích lũy niềm tin từ khách hàng.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

- ❖ Tối đa hoá giá trị đầu tư của các cổ đông. Giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh;
- ❖ Không ngừng nâng cao động lực làm việc và năng lực cán bộ. HABUBANK phải luôn là ngân hàng đi đầu trong ngành ngân hàng trong việc sáng tạo và phát triển các chính sách đãi ngộ cũng như phát triển sự nghiệp cho các cán bộ của mình;
- ❖ Duy trì sự hài lòng, trung thành và gắn bó của khách hàng với HABUBANK. Phát triển HABUBANK thành một trong топ 2 ngân hàng Việt Nam “được lựa chọn” do chất lượng dịch vụ tốt nhất bởi các doanh nghiệp cầu tiến, hộ gia đình và cá nhân;
- ❖ Phát triển HABUBANK trở thành 1 trong 3 ngân hàng được ngưỡng mộ nhất Việt Nam về: Quản lý tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất, văn hoá doanh nghiệp chú trọng khách hàng, thúc đẩy hợp tác và sáng tạo nhất, linh hoạt nhất khi môi trường kinh doanh thay đổi;
- ❖ Góp phần tích cực làm vững chắc thị trường tài chính trong nước.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN - TỔNG HỢP 5 NĂM

Đơn vị: triệu VND

Cho năm	2005	2004	2003	2002	2001
Tổng thu từ hoạt động kinh doanh	488.911	311.440	194.020	112.931	86.562
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	371.031	238.562	161.672	90.689	68.849
Thu nhập hoạt động thuần	117.880	72.878	32.348	22.242	17.713
Dự phòng nợ khó đòi	14.783	12.412	3.217	1.108	1.355
Tỷ lệ nợ quá hạn	1,1%	1,41%	0,82%	0,84%	1,56%
Lợi nhuận trước thuế	103.097	60.466	29.131	22.454	18.232
Lợi nhuận sau thuế	75.190	45.657	19.816	15.269	12.494
Cổ tức	25%	15%	14%	11%	10%
Tại thời điểm cuối năm 31/12	2005	2004	2003	2002	2001
Tổng tài sản có	5.524.791	3.728.305	2.686.147	1.685.389	1.432.219
Tổng dư nợ	3.330.218	2.362.641	1.596.105	999.225	672.899
Tổng tài sản nợ	5.133.327	3.474.758	2.535.179	1.586.663	1.349.147
Tổng huy động	4.949.003	3.397.386	2.486.552	1.569.008	1.338.284
Vốn điều lệ	300.000	200.000	120.000	80.000	70.000
Tổng vốn cổ đông	391.464	253.547	150.968	98.726	82.072

THÔNG ĐIỆN GỬ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Kính thưa Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư tại HABUBANK!

Bằng sự quyết tâm và động lực của những thắng lợi kinh doanh năm 2004, HABUBANK đã vươn lên mạnh mẽ, đạt được những thành công hơn mong đợi cho năm 2005, với mức tăng trưởng toàn diện trên mọi lĩnh vực hoạt động, không ngừng sáng tạo những sản phẩm, dịch vụ tri thức tạo dựng thương hiệu và xây đắp niềm tin của các cổ đông và khách hàng.

Năm 2005 HABUBANK là ngân hàng đầu tiên cán đích hoàn thành kế hoạch do đại hội đồng cổ đông giao cho, được xếp vào bậc những ngân hàng có tỷ suất lợi nhuận cao nhất ngành với mức lợi nhuận trước thuế đạt 103 tỷ đồng, đồng thời là năm thứ 7 liên tiếp HABUBANK được Ngân hàng Nhà nước xếp hạng A. HABUBANK đã đưa vào hoạt động thêm 04 Chi nhánh và Phòng giao dịch mới nhằm mở rộng mạng lưới và tạo thêm thuận lợi cho khách hàng hàng giao dịch nhanh chóng, an toàn.

Luôn chú trọng đến việc cung ứng toàn diện gói sản phẩm, dịch vụ tri thức thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, HABUBANK đã hoàn tất thủ tục thành lập Công ty Chứng khoán (HABUBANK Securities) và Công ty mới đã chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2006. Công tác xây dựng hình ảnh tương xứng với quy mô và tầm cỡ ngân hàng luôn được Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên phát huy và chú trọng. Nhiều hành vi đẹp, tôn vinh đạo đức nghề nghiệp của nhân viên HABUBANK đã được khách hàng khen ngợi và báo chí tuyên dương là những tấm gương người tốt, việc tốt. Hệ thống bảng biển tại các điểm giao dịch của HABUBANK trên toàn quốc cũng được thống nhất về mảng khối, màu sắc, biểu tượng. Con người, dịch vụ và cảnh quan đã thực sự tạo nên ấn tượng tốt đẹp về một HABUBANK thân thiện, chuyên nghiệp, thực sự trở thành địa chỉ tìm đến tin cậy của các nhà đầu tư và đối tác khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng.

Lộ trình ra nhập WTO của Việt Nam đang dần rút ngắn, HABUBANK phải đi những bước dài và nhanh hơn để góp phần hoàn thành sứ mệnh chung của ngành tài chính ngân hàng, đi trước một bước tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong tiến trình hội nhập. Xác định nhân tố con người là yếu tố quyết định sự thành bại của mọi chiến lược phát triển, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã không ngừng củng cố và sáng tạo các chính sách đào tạo, đãi ngộ thoả đáng để dành được sự yên tâm gắn bó và cống hiến của cán bộ nhân viên HABUBANK. Thu nhập bình quân của nhân viên HABUBANK đạt 5, 08 triệu đồng/tháng - đứng trong top các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Bên cạnh chế độ đãi ngộ, HABUBANK luôn chú trọng chăm lo phát triển sự nghiệp cho nhân viên. Trong năm 2005, HABUBANK đã tổ chức đào tạo nghiệp vụ trong và ngoài nước cho 900 lượt cán bộ tại 53 khoá học nhằm tiếp cận, học hỏi các tri thức tiên tiến nhất trên thế giới..

Năm 2005 kết thúc thắng lợi rực rỡ tiếp tục tạo động lực và mở ra những cơ hội thuận lợi cho giai đoạn phát triển nhanh, mạnh và toàn diện của Ngân hàng giai đoạn 2006 - 2010. Niềm tin và sự ủng hộ quý báu từ các quý vị cổ đông và các nhà đầu tư - đối tác, cơ quan quản lý, các ngân hàng bạn, và trên tất cả là toàn thể cán bộ HABUBANK đã đang và sẽ gửi gắm vào HABUBANK chắc chắn sẽ mang lại tương lai xán lạn cho HABUBANK trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội ngày 15/4/2006

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN BẰNG

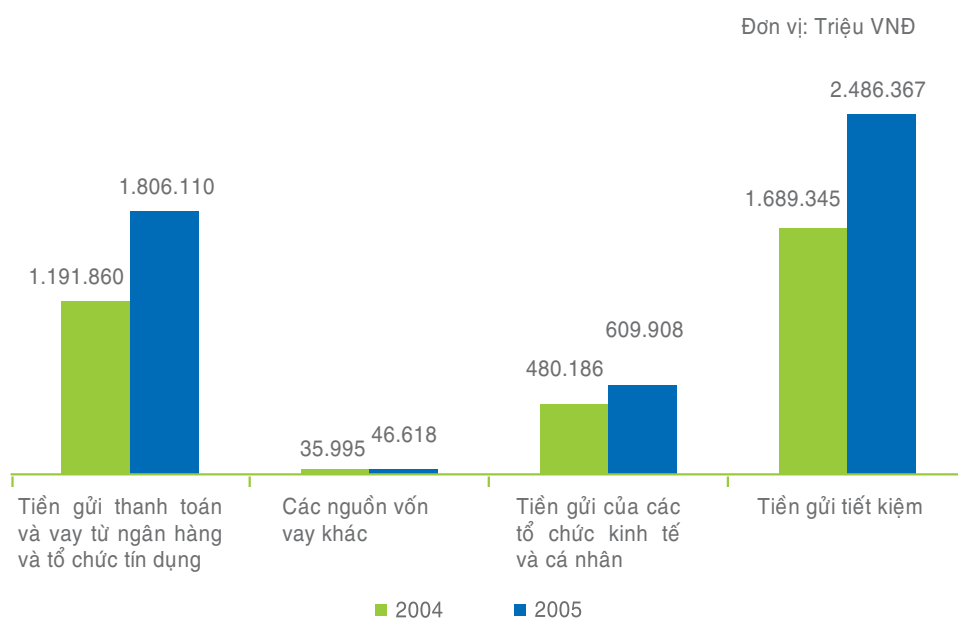


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN

TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN 2005

Với các sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của khách hàng, chính sách lãi suất linh hoạt, được hỗ trợ bởi các phương thức Marketing hiệu quả, HABUBANK ngày càng thu hút được sự quan tâm của đông đảo khách hàng dân cư và tổ chức kinh tế. So với năm 2004, tổng nguồn vốn huy động của HABUBANK tăng 45,67%, trong đó huy động tiết kiệm tăng 47,18%, tiền gửi khách hàng tăng 27%, huy động liên ngân hàng tăng 51,54%. Số liệu được thể hiện trong bảng sau:



Đơn vị: triệu VNĐ

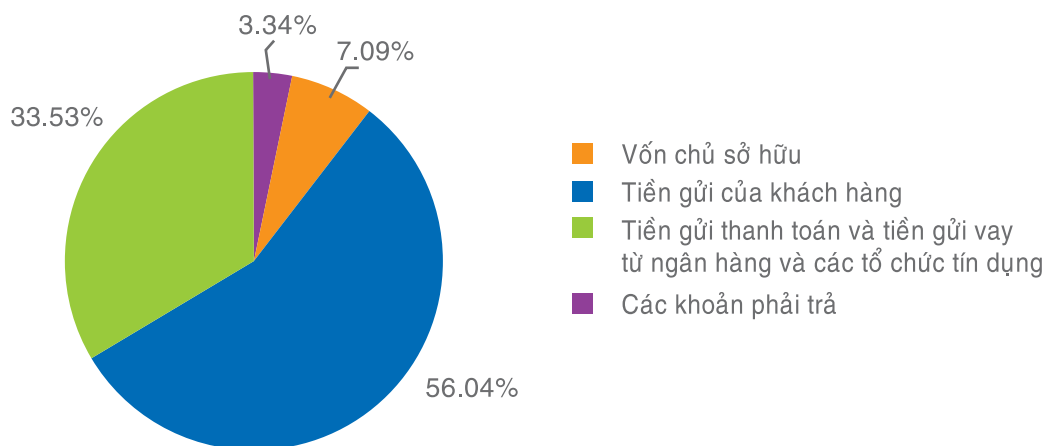
Số dư nguồn vốn huy động	2004	% Tổng nguồn	2005	% Tổng nguồn	(2005,2004) /2004
Tiền gửi thanh toán và vay từ ngân hàng và tổ chức tín dụng	1.191.860	31,97%	1.806.110	32,69%	+51,54%
Các nguồn vốn vay khác	35.995	0,97%	46.618	0,84%	+29,51%
Tiền gửi của các tổ chức kinh tế và cá nhân	480.186	12,88%	609.908	11,04%	+27,01%
Tiền gửi tiết kiệm	1.689.345	45,31%	2.486.367	45,00%	+47,18%
Tổng nguồn vốn huy động	3.397.386	91,12%	4.949.003	89,58%	+45,67%

Năm 2005, HABUBANK tiếp tục đẩy mạnh tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế như Dự án Tài chính Nông thôn II - RDFII do ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ; Dự án cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật bản. Các nguồn vốn này đã làm đa dạng hoá cơ cấu vốn huy động, tăng cường nguồn vốn trung và dài hạn của HABUBANK với chi phí rẻ hơn, góp phần phát triển tín dụng cho khu vực nông thôn gắn thành thị và khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đơn vị: triệu VNĐ

Cơ cấu nguồn vốn	2004	%Tổng nguồn	2005	%Tổng nguồn	(2005,2004) /2004
Vốn chủ sở hữu	253.547	6,80%	391.464	7,09%	+54,40%
Tiền gửi của khách hàng	2.169.531	58,19%	3.096.275	56,04%	+42,72%
Tiền gửi thanh toán, gửi và vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng	1.227.855	32,93%	1.852.728	33,53%	+50,89%
Các khoản phải trả	77.372	2,08%	184.324	3,34%	+138,23%
Tổng nguồn	3.728.305	100%	5.524.791	100%	+48,19%

Cơ cấu nguồn vốn năm 2005



CHỈ SỐ AN TOÀN VỐN

Một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức an toàn của ngân hàng là tỷ trọng vốn tự có so với tổng tài sản có rủi ro. Điều 81 - Luật các tổ chức tín dụng 12/1997 đã quy định tổ chức tín dụng phải duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn này. Theo thông lệ quốc tế, tỷ trọng này tối thiểu là 8%. Năm 2004 tỷ lệ an toàn vốn của HABUBANK là 8,44%, tỷ lệ này năm 2005 đạt 8,89%. Đây cũng là một tiêu chí để WB tăng hạn mức vay cho HABUBANK trong Dự án tài chính Nông thôn II từ 49 tỷ đồng (năm 2004) lên 85 tỷ đồng (năm 2005).

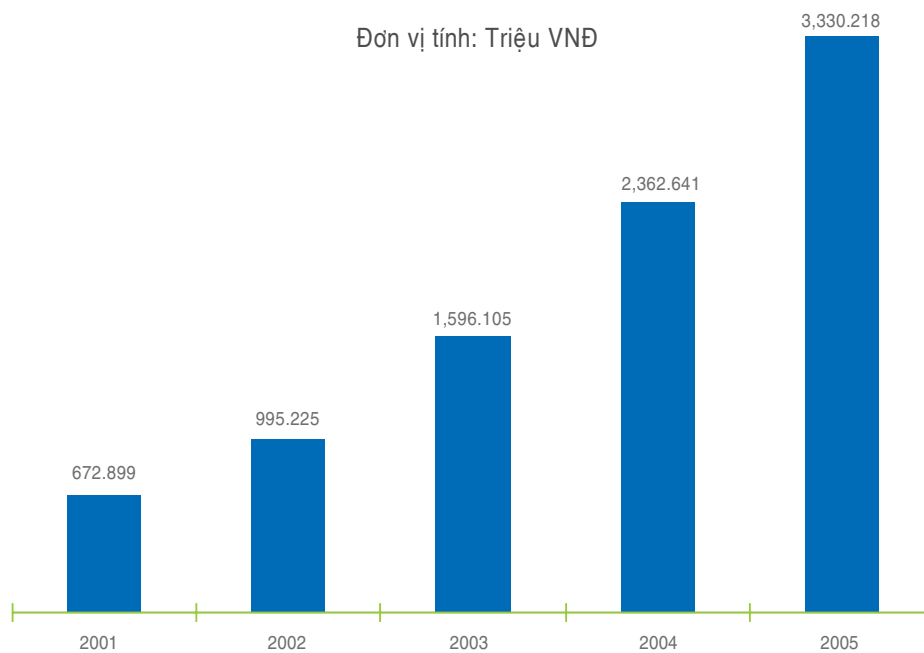


SỬ DỤNG VỐN

CHO VAY KHÁCH HÀNG

Cùng với sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế trong những năm vừa qua, theo đó nhu cầu về vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế cũng không ngừng tăng lên, để đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển, với tiêu chí phục vụ khách hàng, HABUBANK đã không ngừng mở rộng và phát triển các dịch vụ cả về chiều rộng và chiều sâu, trong đó dịch vụ cho vay khách hàng vẫn là dịch vụ tạo ra nguồn thu chủ yếu cho ngân hàng, tổng dư nợ cho vay năm 2005 đạt 3.330, 218 tỷ đồng tăng 41% so với năm 2004. Tỷ lệ nợ quá hạn được duy trì ở mức 1,1% tổng dư nợ, là thước đo sát sao đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tổng dư nợ theo kết quả từ 2001 đến 2005



Để đạt được kết quả trên, HABUBANK đã không ngừng mở rộng mạng lưới, phát triển nhiều sản phẩm cho vay mới, đưa ra các chính sách tín dụng với lãi suất phù hợp, cải tiến quy trình thẩm định và xét duyệt để đáp ứng được nhu cầu nhanh nhất, tốt nhất cho khách hàng. HABUBANK cũng không ngừng mở rộng hợp tác trên nhiều mặt với các tổ chức Tín dụng, các tổ chức Tài chính theo hình thức Đồng Tài trợ và uỷ thác cho vay để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng trên cơ sở phân tán rủi ro cho ngân hàng.

Hướng tới nhóm khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay tiêu dùng vẫn là mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của HABUBANK, trong tổng dư nợ cho vay thì các dư nợ của Công ty Cổ phần, TNHH chiếm tới 65%, dư nợ cho vay tiêu dùng chiếm 29%.

Đồng thời HABUBANK luôn chú trọng đến các dự án đầu tư trung dài hạn có tính khả thi cao, các dự án trọng điểm nằm trong qui hoạch phát triển của chính phủ... Để đảm bảo nguồn thu nhập đều cho HABUBANK, dư nợ trung dài hạn chiếm 31%.

Các chỉ tiêu cụ thể trong năm 2005

(Đơn vị tính: %)

Tổng dư nợ đến 31/12/2005	100%
- Cho vay Ngắn hạn	69%
- Cho vay trung, dài hạn	31%

* Tổng dư nợ phân theo loại hình doanh nghiệp:

Đơn vị tính: %

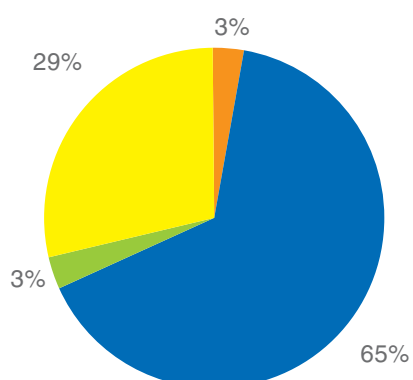
- DNNN	3%
- Công ty CP, TNHH	65%
- DN có vốn ĐT nước ngoài	3%
- Cá nhân, hộ Gia đình	29%

* Tổng dư nợ phân theo ngành kinh tế:

Đơn vị tính: %

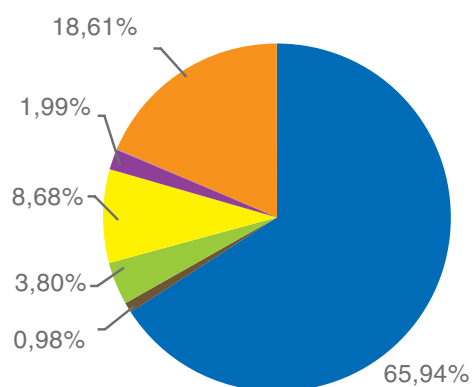
- Thương mại	65,94%
- Nông lâm nghiệp	0,98%
- Sản xuất và chế biến	3,8%
- Xây dựng	8,68%
- Vận tải và Thông tin liên lạc	1,99%
- Các ngành khác	18,61%

Dư nợ năm 2005 phân theo loại hình doanh nghiệp



■ DNNN
■ Công ty CP, TNHH
■ Doanh nghiệp có vốn ĐT nước ngoài
■ Cá nhân, hộ gia đình

Dư nợ năm 2005 phân theo loại hình kinh doanh



■ Thương mại
■ Các ngành khác
■ Vận tải và thông tin liên lạc
■ Xây dựng
■ Sản xuất và chế biến
■ Nông lâm nghiệp

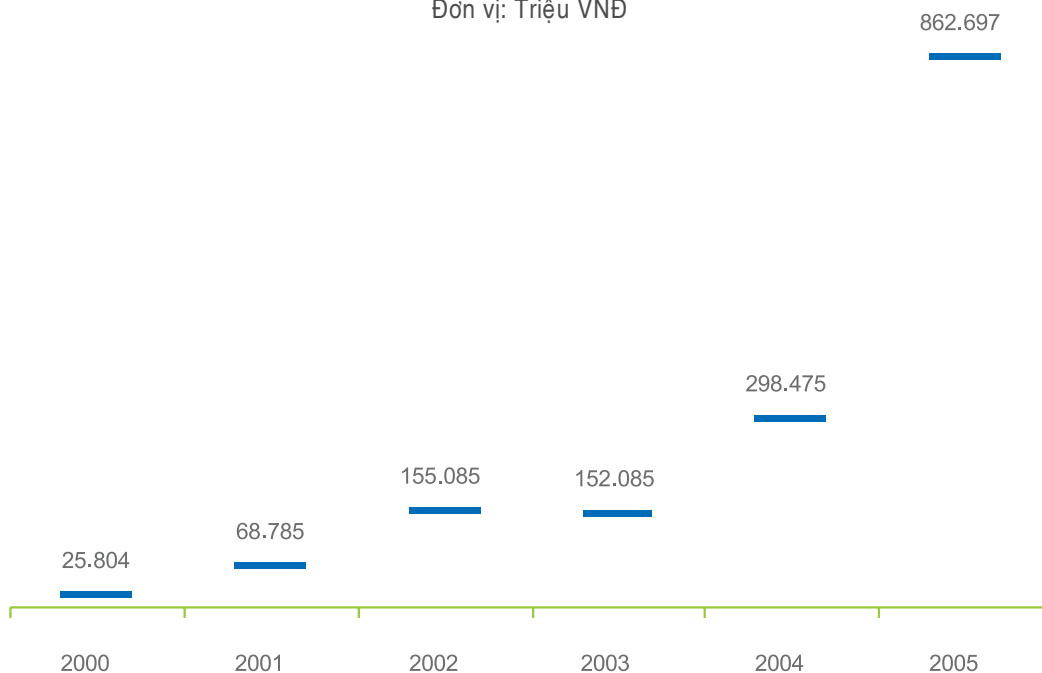
Bên cạnh việc phát triển tín dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng, HABUBANK luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng tín dụng. Trong năm 2005, HABUBANK tiếp tục chuẩn hoá hoạt động tín dụng trên cơ sở hoàn thiện quy trình quy chế cho vay, ban hành bộ các hợp đồng mẫu mới trong hoạt động tín dụng, triển khai hệ thống chấm điểm cho vay doanh nghiệp, ban hành "Định hướng tín dụng năm 2005". Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra kiểm soát liên tục triển khai, rà soát hoạt động tín dụng nhằm đôn đốc việc kiểm soát trong và sau khi cho vay, phát hiện sớm các rủi ro có thể xảy ra để đề xuất xử lý.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Năm 2005 HABUBANK tiếp tục đẩy mạnh hoạt động trên thị trường liên ngân hàng trong các lĩnh vực đầu tư vốn và kinh doanh tiền tệ. HABUBANK luôn được đánh giá là một trong những Ngân hàng có uy tín và có tính thanh khoản tốt nhất trên thị trường. Việc tạo thanh khoản tốt một phần lớn nhờ vào sự phân bổ và sử dụng nguồn vốn có được một cách hiệu quả hơn năm 2004.

Đầu tư chứng khoán

Đơn vị: Triệu VNĐ



HABUBANK đã đa dạng hoá danh mục đầu tư chứng khoán. Năm 2005 số dư đầu tư vào chứng khoán các loại là 858,6 tỷ đồng tăng 2,9 lần so với năm 2004. Danh mục đầu tư chứng khoán HABUBANK chủ trọng: Trái phiếu kho bạc, Trái phiếu Quỹ hỗ trợ phát triển, Trái phiếu đô thị, Kỳ phiếu các ngân hàng. Để đảm bảo khả năng chuyển đổi ra tiền mặt bất cứ lúc nào cao nhất cho Ngân hàng. Việc đầu tư chứng khoán hiệu quả năm 2005 kết hợp với các hoạt động liên ngân hàng được đẩy mạnh hơn nữa đã giúp phòng Nguồn vốn của HABUBANK tạo nguồn thu lớn hơn cho Ngân hàng, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn thu tín dụng. Năm 2005, Nguồn vốn đã mang lại cho Ngân hàng thu lãi thuần đầu tư chứng khoán hơn 53 tỷ VNĐ, chiếm 33% tổng thu nhập hoạt động thuần của Ngân hàng, tăng hơn 200% so với 2004, khiến cho phụ thuộc vào nguồn thu tín dụng giảm từ 70% thu nhập hoạt động thuần năm 2004 xuống 55% năm 2005.

KINH DOANH NGOẠI TỆ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của HABUBANK được chính thức đưa vào hoạt động kể từ tháng 01/1999 với sự ra đời của Phòng Nguồn vốn và kinh doanh Ngoại hối. Xác định được tầm quan trọng của nghiệp vụ này, từ nhiều năm trước, Ban lãnh đạo của ngân hàng đã đầu tư thích đáng về nhân sự cũng như trang bị những phương tiện, thiết bị hiện đại như mạng giao dịch Reuters Dealing 3000, màn hình cung cấp tin của Reuters, đường Internet tốc độ cao để đảm bảo chất lượng hoạt động. Với uy tín hoạt động trên thị trường, kinh doanh an toàn và hiệu quả, đến nay, hạn mức giao dịch của HABUBANK ngày càng được các tập đoàn ngân hàng tài chính toàn cầu nâng cao, từ 1 triệu USD năm 2004 đến 5 triệu USD/ngày năm 2005 mỗi ngân hàng. Điều này đã hỗ trợ HABUBANK mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoại hối của ngân hàng trong thời gian vừa qua. Năm 2005, lợi nhuận từ kinh doanh ngoại tệ đạt 3,56 tỷ VNĐ. Tổng doanh số mua bán các loại ngoại tệ đạt 1,94 tỷ USD, tăng 16,5% so với năm 2004.

HỖ TRỢ THANH TOÁN THƯƠNG MẠI NGOÀI CHO VAY

BẢO LÃNH

Hoạt động bảo lãnh của ngân hàng tăng trưởng đều qua các năm. Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh của ngân hàng năm 2005 đạt 6,98 tỷ đồng, tăng 154% so với 2004 (bảo lãnh nước ngoài nằm trong doanh số TTQT)

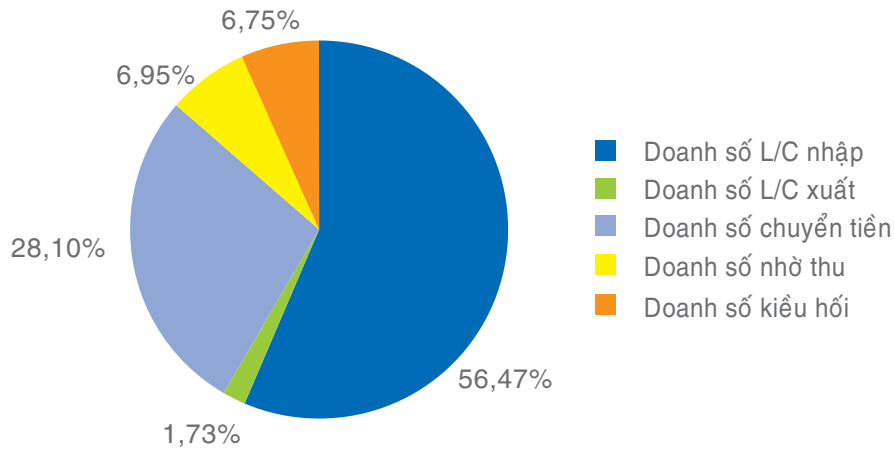
DỊCH VỤ THANH TOÁN

Dịch vụ thanh toán quốc tế tại HABUBANK được đánh giá là có chất lượng rất cao với tỷ lệ điện chuẩn được xử lý tự động đạt trên 98%, phương thức thực hiện nhanh chóng, linh hoạt không có sai sót, nhầm lẫn, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Các cán bộ mảng thanh toán quốc tế thực sự là niềm tự hào của HABUBANK. Trong năm 2005, HABUBANK đã được trao tặng các giải thưởng về quản lý tiền tệ và thanh toán toàn cầu của City Group, HSBC và Union bank of California. Mặc dù doanh số hoạt động năm 2005 giảm nhẹ so với năm 2004 nhưng thu phí đạt 8.582 triệu đồng tăng 27% so với năm 2004. Giá trị giao dịch thanh toán qua hệ thống của HABUBANK trong năm 2005 đạt 151 triệu

Một số chỉ tiêu chính được trình bày tại bảng dưới đây:

Đơn vị: 1000 USD

Chỉ tiêu	Năm 2005
Doanh số L/C nhập	85.390
Doanh số L/C xuất	2.615
Doanh số chuyển tiền	42.486
Doanh số nhờ thu	10.516
Doanh số kiều hối	10.202
Tổng doanh số	151.209



USD. Hợp tác với ngân hàng nước ngoài để đa dạng loại hình dịch vụ và đáp ứng những nhu cầu khác nhau của khách hàng luôn được ban lãnh đạo chú trọng. Trong năm 2005, HABUBANK đã kết hợp với Ngân hàng Bank of Nova Scotia, Hong Kong và Ngân hàng Credit Suisse, Thụy Sĩ triển khai thêm một số dịch vụ mới như dịch vụ tái chiết khấu L/C xuất, dịch vụ tái cấp vốn L/C.

Bên cạnh đó, mạng lưới Ngân hàng đại lý của HABUBANK trong năm đã được mở rộng. Ngân hàng đã thiết lập thêm quan hệ đại lý với Banca Di Roma SPA, Unicredito Italiano SPA, ý; Banque Sanpaolo, Pháp; KBC Bank NV, Bỉ; Korea Exchange Bank, Hàn Quốc; Tainan Bussiness Bank, Đài Loan; Ulmer Volksbank EG, Đức; Vabank, Ukraine; Zibo City Commercial Bank, Trung Quốc Sự mở rộng mạng lưới này đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cung ứng dịch vụ TTQT cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng của dịch vụ này.





CÁC PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC KHÁC TRONG NĂM

DỊCH VỤ THẺ

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về phát triển các phương tiện thanh toán không sử dụng tiền mặt nhằm giảm bớt các rủi ro và chi phí xã hội, thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ của ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế, HABUBANK đã chính thức triển khai hệ thống phát hành và chấp nhận thanh toán thẻ nội địa HABUBANK Vantage. Hệ thống quản lý thẻ và thiết bị chấp nhận thẻ của HABUBANK được xây dựng theo các chuẩn quốc tế về bảo mật thông tin và được các tổ chức thẻ lớn trên thế giới chấp nhận (EMV). Hệ thống này cho phép HABUBANK dễ dàng đa dạng hoá các tiện ích của thẻ và kết nối với các hệ thống khác. Trong năm, HABUBANK chính thức trở thành thành viên của khối VNBC và chính thức kết nối hệ thống chấp nhận thẻ gồm hơn 250 máy ATM của các ngân hàng thành viên là Ngân hàng Đông Á, Sài Gòn Công thương, Nhà Đồng bằng sông Cửu Long để khách hàng tiện giao dịch. Xác định thẻ là công cụ xương sống của mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ, hỗ trợ huy động vốn hữu hiệu trong tương lai và kênh tự động, điện tử là các kênh cung cấp các sản phẩm dịch vụ khác đến khách hàng cá nhân, HABUBANK đã và sẽ tiếp tục đầu tư thích đáng cho hệ thống để tạo tiện ích tốt nhất cho khách hàng, tăng thu nhập cho ngân hàng. Trong năm 2006, bên cạnh việc gia tăng tiện ích cho thẻ, mở rộng kết nối hệ thống trong nước, HABUBANK có kế hoạch từng bước tham gia thị trường thẻ quốc tế thông qua việc kết nối với các hệ thống CUP, VISA, MASTER.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Với tốc độ phát triển hoạt động của Ngân hàng và sự cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường lao động, công tác phát triển nguồn nhân lực giữ một vai trò then chốt trong những thành công đạt được của Ngân hàng. Không chỉ cố gắng gìn giữ nguồn nhân lực đang có bằng cách không ngừng sáng tạo và ứng dụng các chính sách hiệu quả nhất, không ngừng tạo ra và nâng cao cơ hội phát triển nghề nghiệp một cách công bằng nhất dựa trên năng lực và kết quả công việc, HABUBANK còn hết sức chú trọng thu hút và xây dựng nguồn nhân lực mới. “Trăm nghe không bằng một thấy Trăm thấy không bằng một làm” luôn là phương châm quản trị nhân sự của HABUBANK. Làm nhiều hơn nói và hứa, lắng nghe để hiểu và chia sẻ, chăm sóc nguồn nhân lực từ khi họ chưa đòi hỏi là quyết tâm của Ban Lãnh đạo Ngân hàng, thấm nhuần đến các quản lý sơ, trung và cao cấp. Nhiều nhân lực mới có chất lượng cao đã do chính các cán bộ hiện tại của HABUBANK giới thiệu và thu hút về cho Ngân hàng. Xây dựng tinh thần làm việc tập thể rất được chú trọng với hiểu biết sâu sắc rằng trong môi trường kinh doanh ngân hàng thương mại, để có thể đạt được kết quả kinh doanh tốt, sự tin tưởng, phối hợp và hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau là những yếu tố hết sức quan trọng. Đây cũng là điểm khác biệt của HABUBANK.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HABUBANK (HABUBANK SECURITIES)

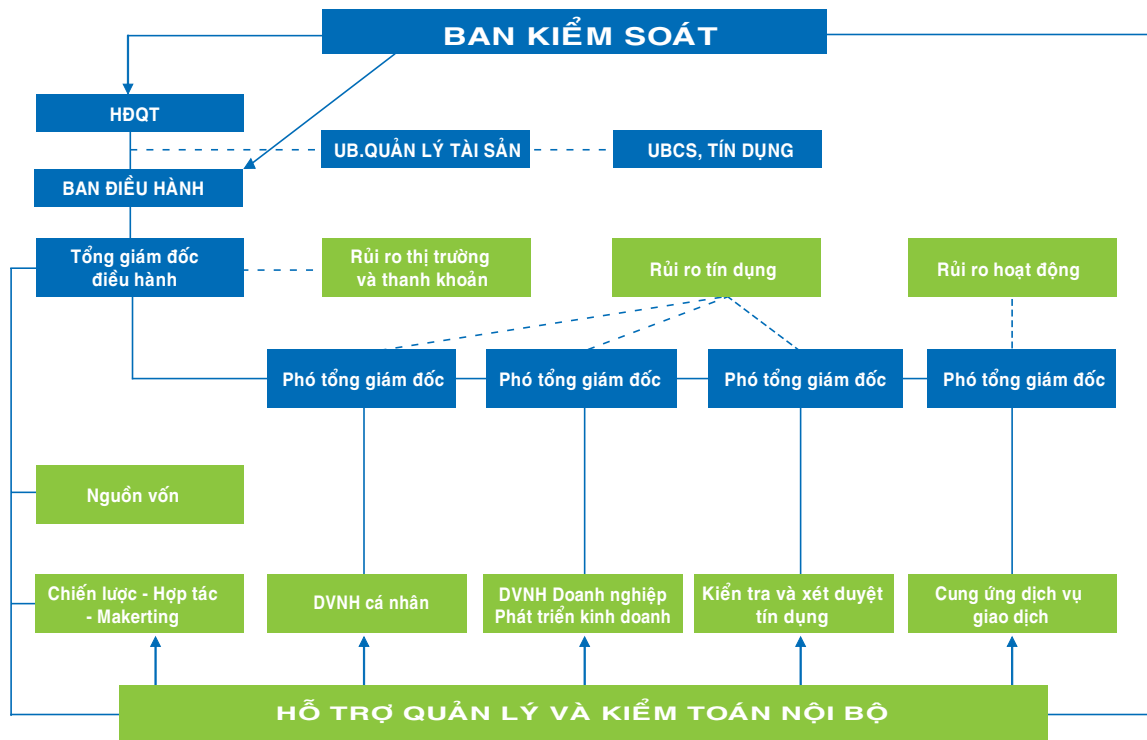
Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chiến lược phát triển của ngân hàng, HABUBANK đã hoàn thành các thủ tục xin phép thành lập và Công ty chứng khoán HABUBANK chính thức được cấp phép thành lập từ 3/11/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) và được thực hiện 4 nghiệp vụ chính là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Đầu năm 2006, Công ty chứng khoán HABUBANK đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng, được phép bổ sung thêm 2 nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư và bảo lãnh phát hành. Công ty chính thức khai trương hoạt động từ 7/4/2006 tại 2C Vạn Phúc, (số 302 Kim Mã), Ba Đình, Hà Nội.





QUẢN LÝ RỦI RO

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Năm 2005, HABUBANK đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm toán nội bộ của mình. HABUBANK hiểu rõ rằng làm tốt công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ đóng góp được rất nhiều cho việc quản lý rủi ro trong ngân hàng ở hai khía cạnh: (i) giảm thiểu rủi ro ngay khi làm tác nghiệp qua cách kiểm soát trong quá trình hoạt động với các chốt kiểm soát nằm ngay trong quy trình tác nghiệp của từng nghiệp vụ, và (ii) công tác kiểm soát sau với nhiệm vụ kiểm toán các quy trình nghiệp vụ để phát hiện các lỗ hổng có thể mang tới rủi ro và đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy trình nghiệp vụ để đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng. Với sự hỗ trợ của dự án GTZ-SBV (Đức), HABUBANK đã tổ chức nhiều đợt đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho các cán bộ kiểm soát nội bộ của ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ thủ một số nghiệp vụ khó

như kinh doanh ngoại tệ và đề xuất các yêu cầu hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ đó. Với năng lực bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ được nâng cao và chủ trương chú trọng kiểm soát rủi ro, năm 2005 HABUBANK đã có được bước tiến dài trong việc quản trị rủi ro.

RỦI RO TÍN DỤNG

Hiện nay hoạt động cho vay chiếm tới 60 - 70% tài sản có của các ngân hàng thương mại. Điều này chứng tỏ hoạt động cho vay là hoạt động chủ yếu của các ngân hàng. Vì vậy để tăng cường hiệu quả kinh doanh, quản lý rủi ro tín dụng là vấn đề sống còn đối với các ngân hàng. HABUBANK cũng không là trường hợp ngoại lệ.

Trong quá trình phát triển, các chiến lược quản lý rủi ro tín dụng luôn được HABUBANK quan tâm và đặt lên hàng đầu. Trong năm 2005, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu trên tổng dư nợ của HABUBANK là 1,1%, đảm bảo chất lượng tài sản cao hơn nhiều so với ngưỡng NHNN đòi hỏi là 5%. HABUBANK đã đẩy mạnh khai thác và sử dụng các thông tin tín dụng nhằm kiểm tra, đánh giá tốt hơn rủi ro nhất là khi một khách hàng vay vốn tại nhiều ngân hàng. Cơ chế quản lý rủi ro đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam đang tiến dần tới thông lệ quốc tế. Do đó nâng cao năng lực tự quản lý rủi ro, không lệ thuộc thụ động vào việc khống chế từ Ngân hàng Nhà nước theo các tỷ lệ, chỉ tiêu nhất định, mà phải chủ động quản lý chặt hơn để phòng ngừa là một chủ trương quan trọng của HABUBANK. Hiện nay HABUBANK đẩy mạnh tăng cường trong công tác quản lý, áp dụng chính sách cho vay hợp lý, cho vay tuân thủ đúng nguyên tắc tín dụng, lựa chọn nhóm khách hàng, nâng cao chất lượng tín dụng, tuân thủ đúng quy chế xếp loại, phân loại nợ, trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định để quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả hơn. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng chiếm ưu thế và khẳng định vị trí của mình, do đó HABUBANK đã tập trung vào nhóm khách hàng này để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên HABUBANK cũng không ngừng mở rộng nguồn khách hàng và các đối tượng khách hàng để tránh tình trạng “bỏ trứng vào một giỏ” nhằm giảm thiểu rủi ro. Thực hiện Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, đến năm 2005 HABUBANK đã trích lập dự phòng cụ thể là 25,056 tỷ đồng, đặc biệt HABUBANK đã trích dự phòng chung là 3 tỷ đồng và đảm bảo sẽ trích đủ dự phòng chung là 0,75% sau 5 năm, kể từ tháng 5 năm 2005. Mục tiêu của HABUBANK là phát triển bằng chính thực lực, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và thể hiện vị thế tối ưu của mình trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Do đó HABUBANK đã và sẽ tiếp tục thiết lập các chính sách quản lý rủi ro tín dụng mang tầm chiến lược, theo nguyên tắc thị trường và dự đoán tương lai nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro đề cập đến khả năng không thể thực hiện việc thanh lý một hoạt động đầu tư khi mong muốn hay không thể thanh toán các khoản nợ trong thời gian ngắn nhất định. Việc huy động vốn của các ngân hàng thương mại có những khi chưa tương ứng với mức độ tăng trưởng tín dụng, dẫn tới khả năng có thể có nguy cơ bị rủi ro thanh khoản do kỳ hạn các khoản cho vay chưa phù hợp với cơ cấu và kỳ hạn vốn huy động. Nhận thức rõ vấn đề này, năm 2005 HABUBANK đã thực hiện các giải pháp huy động vốn một cách đồng bộ, tích cực cho vay các dự án hiệu quả, các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặt khác, Ngân hàng đã chủ động kiểm soát mức tăng tín dụng phù hợp với mức tăng vốn huy động thực tế và mục tiêu kinh doanh, đảm bảo phù hợp cơ cấu và kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và sử dụng vốn. Cùng với việc đảm bảo tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, HABUBANK luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trên 8%. Năm 2005, HABUBANK chưa phải sử dụng đến nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn, mặc dù mức NHNN cho phép là 40% vốn ngắn hạn. Mặt khác với chiến lược phát triển mạnh mẽ, HABUBANK đã tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ trong năm 2005 và vốn điều lệ của HABUBANK theo kế hoạch sẽ tăng lên tối thiểu 1.000 tỷ trong năm 2006. Với hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, HABUBANK đã hạn chế tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động bền vững.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Năm 2005, HABUBANK một lần nữa được xếp hạng là ngân hàng loại A với sự phát triển an toàn và bền vững. Có được kết quả đó là vì HABUBANK đã tích cực áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh, duy trì sự phát triển ổn định. HABUBANK đặc biệt chú trọng đến việc tuân thủ các điều kiện bảo hiểm bắt buộc, các quy

định của Ngân hàng Nhà nước cũng như các quy định nội bộ; hoàn thiện bộ máy giám sát rủi ro hoạt động của ngân hàng trên cơ sở hình thành bộ máy kiểm tra, kiểm soát nội bộ có chức năng quản lý, giám sát, nhận diện và phát hiện rủi ro, từ đó phân tích, đánh giá rủi ro và đề ra biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, rủi ro hoạt động được kiểm soát chặt chẽ trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ cụ thể, kịp thời và được thực thi đầy đủ, chính xác; cùng với công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đảm bảo hoạt động ổn định trong mọi trường hợp.

Ngoài các yếu tố nội bộ, HABUBANK cũng rất chú trọng đến các yếu tố bên ngoài có thể dẫn đến rủi ro hoạt động như sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, diễn biến phức tạp của xu thế thị trường, tác động của các tin đồn thất thiệt... Để thích ứng kịp thời với các yếu tố bên ngoài bất ngờ xảy ra, HABUBANK đã thường xuyên cập nhật thông tin bên ngoài, kiểm soát và hiệu chỉnh kịp thời các văn bản nội bộ khi phát sinh các thay đổi, đồng thời có phương án và giải pháp tình thế đối với thiên tai hoả hoạn có thể xảy ra. Để rủi ro hoạt động được quản lý hiệu quả hơn nữa, HABUBANK đã liên kết, hợp tác với nhiều chuyên gia hàng đầu về các lĩnh vực quản lý rủi ro, từ đó xây dựng, điều chỉnh chính sách và định hướng chiến lược phù hợp.

Xác định yếu tố con người là một trong nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro hoạt động nên HABUBANK luôn quan tâm và đặt lên hàng đầu giải pháp nguồn nhân lực. Đó là gắn chính sách tuyển dụng với đào tạo và sử dụng cán bộ nghiêm khắc, chặt chẽ, thưởng phạt công minh. Nhờ vậy, HABUBANK luôn có một đội ngũ cán bộ nhân viên có đạo đức, có tay nghề và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhu cầu của công việc. Năm 2005, mặc dù mức tiền mặt qua quỹ tăng 33,3% so với năm 2004, nhưng hoạt động vẫn đảm bảo an toàn và thông suốt. Đi đôi với việc tuân thủ những nguyên tắc đã đề ra của ngân hàng về đạo đức nghề nghiệp, công tác khen thưởng của HABUBANK cũng hết sức linh hoạt. Các cá nhân tiên tiến, điển hình không chỉ được bình xét vào các kỳ giữa hoặc cuối năm, mà ngay khi họ có những sáng tạo làm gia tăng giá trị chính đáng cho ngân hàng hoặc có những hành vi đẹp, thể hiện đúng tinh thần chú trọng khách hàng mà HABUBANK đang hướng tới sẽ được khen thưởng ngay về vật chất lẫn tinh thần. Một số cá nhân điển hình tại HABUBANK năm 2005 như: Nguyễn Thị Thu Huyền, Cao Thị Khánh Chi đã được khen ngợi không chỉ trong nội bộ ngân hàng mà còn được tuyên dương gương người tốt, việc tốt tại các phương tiện báo chí. Với những biện pháp nêu trên, năm 2005, HABUBANK tiếp tục là ngân hàng hoạt động kinh doanh an toàn, phát triển với mục tiêu bền vững và luôn gây dựng được lòng tin đối với các khách hàng.

HƯỚNG TỚI 2006

2006 là năm đầu tiên của kế hoạch phát triển 5 năm 2006-2010 của đất nước, mục tiêu tăng trưởng trong năm 2006 tiếp tục ở mức cao, được Quốc hội đặt ra là 8% (hơi thấp hơn tốc độ 8.5% trong năm 2005). Kiểm chế lạm phát sẽ là một mục tiêu quan trọng trong năm tới khi tốc độ gia tăng giá cả đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống của người dân. Như vậy xu hướng của Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt nam kiểm chế tốc độ gia tăng tín dụng và tập trung vào cải thiện chất lượng vốn cho vay của ngân hàng là điều dễ nhận thấy.

Năm 2006, áp lực cạnh tranh từ quốc tế sẽ là thách thức lớn nhất đối với các nhà sản xuất trong nước, sau khi Việt Nam tham gia đầy đủ vào Chương trình Ưu đãi Thuế quan có Hiệu lực chung (CEPTs) của AFTA, và có khả năng lớn trở thành thành viên của WTO. Việc hội nhập sâu rộng sẽ nâng cao cam kết mở cửa thị trường và đòi hỏi nền kinh tế phải có những điều chỉnh không đơn giản. Hàng loạt các khung pháp lý mới ngoài Luật Cạnh tranh (có hiệu lực 1/7/2005), còn có Luật Thương mại, Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư (có hiệu lực vào năm 2006) sẽ làm thay đổi căn bản môi trường đầu tư kinh doanh. Các luật này khi được áp dụng sẽ có tác dụng tạo lập khung pháp lý thống nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, xoá bỏ các rào cản, phân biệt đối xử bất hợp lý giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc sở hữu vốn nhà nước, cổ phần, tư nhân hay liên doanh. Điều này, cùng với sức ép cạnh tranh để hội nhập sẽ là đòn bẩy, thúc bách các doanh nghiệp bất kể thành phần đổi mới hay làm tốt hơn phương thức quản lý và kinh doanh của mình để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Có được nguồn vốn rẻ hơn, quản trị doanh nghiệp tốt hơn, xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn và cạnh tranh hiệu quả sẽ là các nhu cầu tất yếu của các doanh nghiệp trong nước. Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt nam sẽ là xu hướng của các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, xu hướng của các định chế tài chính, các trung gian tài chính như ngân hàng, chứng khoán trong năm 2006 trở đi có thể nhận định được là sẽ cung ứng ngày càng nhiều hơn và đa dạng hơn các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp khách hàng, không chỉ cung cấp vốn mà còn tư vấn cho doanh nghiệp.

Thị trường tài chính trong năm 2006 sẽ rất sôi động với sự khởi động của nhiều công ty bảo hiểm nước ngoài và sự tham gia thị trường của nhiều ngân hàng quốc tế. Mặc dù thị trường ngân hàng sẽ chưa được mở cho đến năm 2008 theo lộ trình BTA, nhiều ngân hàng quốc tế sẽ nỗ lực tìm kiếm đối tác Việt Nam và trở thành các cổ đông chiến lược bằng cách tham gia cổ phần với các ngân hàng thương mại trong nước, tạo cơ sở cho sự tham gia thị trường của họ trong một vài năm tới. Việc nền kinh tế trên đà tăng trưởng mạnh mẽ sẽ khiến cho sức hấp dẫn của các ngân hàng thương mại Việt nam, xương sống hỗ trợ phát triển kinh tế, đặc biệt các ngân hàng hoạt động tốt đối với quốc tế ngày càng gia tăng. Thị trường chứng khoán trong năm tới cũng sẽ khởi sắc với sự tham gia thị trường của các công ty lớn và hấp dẫn tạo nên nhiều cơ hội đầu tư, đồng thời nguồn vốn đầu tư cho chứng khoán trong nước và vào nước khá dồi dào, một phần do tác động của thị trường bất động sản tạm lắng, một phần do nhận thức của đông đảo dân cư về đầu tư và niềm tin với nhà nước ngày càng được củng cố, sẽ khiến cho đầu tư gián tiếp có những bước chuyển biến quan trọng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị và xã hội ổn định, các yếu tố vĩ mô tốt, nhưng áp lực cạnh tranh gia tăng, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành HABUBANK xác định năm 2006 sẽ là năm phát triển mạnh mẽ nhưng cũng nhiều thách thức cho Ngân hàng. Để có thể tiếp tục tăng trưởng nhanh và mạnh, vốn cần được tăng lên trong khoảng 600 - 1000 tỷ cho năm 2006, mạng lưới cần được mở rộng, chính sách quản lý rủi ro phải được cập nhật và hoàn thiện, chú trọng tăng trưởng về chất lượng và đa dạng hoá dịch vụ.

Xác định 5 năm tới là giai đoạn bùng nổ các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, trong đó nổi trội lên là mua nhà trả góp, tiêu dùng cao cấp và thẻ ngân hàng nên năm 2006 HABUBANK sẽ ưu tiên đầu tư vào phát triển công nghệ hiện đại, tăng cường hợp tác và phát triển các dịch vụ ngân hàng cá nhân, đặc biệt là dịch vụ ngân hàng tự động, điện tử. Nâng cao chất lượng dịch vụ, thường xuyên tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng là nhiệm vụ lớn của HABUBANK trong năm tới. Năm 2006 sẽ là năm đánh dấu những cải tiến đáng kể của HABUBANK về thủ tục, quy trình giao dịch, và dịch vụ khách hàng.



CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2005

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NHÀ HÀ NỘI

Các báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 và Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP có hiệu lực từ ngày 6 tháng 6 năm 1992 trong thời hạn 99 năm.

Kể từ khi thành lập, vốn cổ đông của Ngân hàng đã được tăng tại các thời điểm sau:

<i>Vốn tăng lên (triệu đồng)</i>	<i>Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo</i>	<i>Ngày</i>
50.000	Quyết định số 58/QĐ -NHNN5	18 tháng 03 năm 1996
57.000	Quyết định số 443/1999/QĐ -NHNN5	21 tháng 12 năm 1999
63.170	Quyết định số 424/2000/QĐ -NHNN5	22 tháng 09 năm 2000
70.000	Quyết định số 498/2000/QĐ -NHNN5	05 tháng 12 năm 2000
71.044	Quyết định số 87/NHNN -QLTD	05 tháng 02 năm 2002
80.000	Quyết định số 576/NHNN -QLTD	06 tháng 09 năm 2002
120.000	Quyết định số 170/NHNN -QLTD	07 tháng 04 năm 2003
200.000	Quyết định số 45/NHNN -HAN7	11 tháng 02 năm 2004
300.000	Quyết định số 89/NHNN -HAN7	21 tháng 01 năm 2005

Ngân hàng được thành lập để tiến hành các hoạt động ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân, cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá; cung cấp các dịch vụ cho các khách hàng; và các dịch vụ ngân hàng khác khi được NHNN cho phép.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 của Ngân hàng là 75.190 triệu đồng Việt Nam (năm 2004: 45.657 triệu đồng Việt Nam).

Trong năm, Ngân hàng đã chi trả cổ tức là 34.000 triệu đồng Việt Nam (năm 2004: 22.287 triệu đồng Việt Nam), lợi nhuận chưa phân phối còn lại là 70.515 triệu đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Theo Quyết định 73/NHNN-HAN7 ngày 24 tháng 1 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà Nội, Ngân hàng được phép tăng mức vốn điều lệ từ 300.000 triệu đồng lên 500.000 triệu đồng. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, toàn bộ số cổ phần mới bao gồm phần thặng dư đã được góp đầy đủ với số tiền là 230.000 triệu đồng.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội ("Công ty") là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn đã được cấp giấy phép kinh doanh vào tháng 11 năm 2005 nhưng đến đầu năm 2006 Ngân hàng mới thực hiện chuyển vốn để Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Đường Tuấn	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Văn Bằng
Chủ tịch



Đỗ Trọng Thắng
Thành viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Số tham chiếu: 21007/21105

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân đối Kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại và Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đi kèm (các "báo cáo tài chính") cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 5 đến trang 43. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Ngoại trừ vấn đề được thảo luận dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Các thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm các thông tin về hoạt động của Ngân hàng dựa trên cơ sở các thông tin hiện có của Ngân hàng. Tuy nhiên, những thông tin này hiện không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Các thuyết minh này không bao gồm thuyết minh về phân tích kỳ đáo hạn của tài sản và công nợ theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 22 - "Trình bày bổ sung Báo cáo Tài chính của Ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự".


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu ở trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và theo các nguyên tắc kế toán và tài chính có liên quan do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.



Trần Đình Cường
Phó Tổng Giám Đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Chứng chỉ kiểm toán số 0135/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2006



Võ Tấn Hoàng Văn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Chứng chỉ kiểm toán số 0264/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2005 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2004 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	II.7	48.740	47.558
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	II.8	56.782	34.084
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác	II.9	26.440	13.607
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng	II.10	1.083.354	903.362
Đầu tư vào chứng khoán	II.11	858.634	298.475
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	II.12	3.330.218	2.362.641
Dự phòng rủi ro tín dụng	II.13	(36.537)	(21.809)
Đầu tư góp vốn mua cổ phần	II.14	31.690	14.350
Tài sản cố định hữu hình	II.1.1	28.734	17.431
Bất động sản đầu tư	II.1.2	10.557	11.919
Tài sản cố định vô hình		3.043	1.366
Xây dựng dở dang và tài sản cố định chưa sử dụng		7.668	3.932
Các tài sản khác	II.15	75.468	41.389
		5.524.791	3.728.305
TỔNG TÀI SẢN			
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG			
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi thanh toán của các ngân hàng khác		12	3.615
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	II.16	343.826	72.000
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng	II.17	1.462.272	1.116.245
Các nguồn vốn vay khác	II.18	46.618	35.995
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	II.19	3.096.275	2.169.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	II.4	11.772	10.342
Công nợ phải trả khác	II.20	172.552	67.030
		5.133.327	3.474.758
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			
VỐN CỔ ĐÔNG			
Vốn điều lệ	II.21	300.000	200.000
Các quỹ dự trữ	II.22	20.949	15.186
Lợi nhuận để lại		70.515	38.361
		391.464	253.547
		5.524.791	3.728.305
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG			
CÁC KHOẢN MỤC CẦN GHI NHỚ			
	II.33	385.274	446.806

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu lãi tiền gửi và cho vay	II.24	407.416	275.273
Chi phí trả lãi tiền vay và huy động vốn	II.25	(310.010)	(197.448)
THU NHẬP LÃI THUẦN		97.406	77.825
Thu từ các khoản phí và dịch vụ	II.26	17.375	11.084
Chi trả phí và dịch vụ	II.26	(1.748)	(1.322)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ		3.556	4.475
Lãi thuần từ đầu tư chứng khoán	II.27	58.487	19.237
Thu nhập cổ tức từ hoạt động đầu tư góp vốn mua cổ phần		1.527	387
Thu nhập khác		550	984
THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		177.153	112.670
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí nhân viên		(22.401)	(15.430)
Chi phí khấu hao	II.1	(6.190)	(3.496)
Các chi phí hoạt động khác	II.28	(30.682)	(20.866)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(59.273)	(39.792)
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN		117.880	72.878
Dự phòng rủi ro tín dụng trích lập tăng trong năm	II.13	(14.783)	(12.412)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm		-	-
		(14.783)	(12.412)
LỢI NHUẬN THUẦN TRƯỚC THUẾ		103.097	60.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp	II.29	(27.907)	(14.809)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		75.190	45.657
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		38.361	20.531
Lợi nhuận để lại trước khi phân bổ		113.551	66.188
Trừ: Trích lập các quỹ theo quy định cho năm trước		(8.907)	(5.540)
Trả cổ tức đợt cuối cho năm trước		(16.000)	(11.087)
Trả cổ tức đợt I cho năm nay	II.22	(18.000)	(11.200)
Các khoản giảm khác		(129)	-
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM		70.515	38.361

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận thuần trước thuế		103.097	60.466
Điều chỉnh cho các khoản:			
Chi phí khấu hao		6.190	3.496
Dự phòng nợ khó đòi	II.13	14.783	12.412
Nợ khó đòi được xoá trong năm	II.13	(55)	(1.565)
Lợi nhuận hoạt động trước khi thay đổi vốn lưu động (Tăng)/Giảm tài sản hoạt động		124.015	74.809
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng		(177.620)	(137.822)
Đầu tư vào chứng khoán		(560.159)	(146.390)
Cho vay và tạm ứng khách hàng		(967.577)	(766.536)
Các tài sản khác		(34.079)	(21.529)
Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		271.826	72.000
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng		299.580	(45.076)
Các nguồn vốn vay khác		10.623	21.195
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		926.924	720.664
Công nợ phải trả khác		102.947	24.732
		(3.520)	(203.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trong năm	II.4	(26.477)	(10.784)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh		(29.997)	(214.737)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Thu do thanh lý tài sản cố định		-	3
Chi xây dựng dở dang và mua sắm tài sản chưa sử dụng		(3.736)	(7.317)
Chi mua tài sản cố định		(17.808)	(330)
Chi đầu tư cho các doanh nghiệp khác		(21.580)	(1.590)
Rút vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác		4.240	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.884)	(9.234)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Vốn góp tăng trong năm	II.21	100.000	80.000
Sử dụng các quỹ dự trữ	II.22	(1.156)	(528)
Chi trả cổ tức trong năm		(34.000)	(22.287)
Các khoản khác		278	1.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		65.122	58.831

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
Tăng/(Giảm) thuần của tiền và các khoản tương đương		(3.759)	(165.140)
Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương	II.30	(134.450)	30.690
Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương	II.30	(138.209)	(134.450)

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP có hiệu lực từ ngày 6 tháng 6 năm 1992 trong thời hạn 99 năm.

Ngân Hàng được thành lập để tiến hành các hoạt động ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân, cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đối ngoại, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá; cung cấp các dịch vụ cho các khách hàng; và các dịch vụ ngân hàng khác khi được NHNN cho phép.

Vốn cổ phần

Kể từ ngày thành lập, vốn điều lệ của Ngân hàng đã liên tục được tăng tại các thời điểm sau:

<i>Vốn tăng lên (Triệu đồng)</i>	<i>Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo</i>	<i>Ngày</i>
50.000	Quyết định số 58/QĐ -NHNN5	18 tháng 03 năm 1996
57.000	Quyết định số 443/1999/QĐ -NHNN5	21 tháng 12 năm 1999
63.170	Quyết định số 424/2000/QĐ -NHNN5	22 tháng 09 năm 2000
70.000	Quyết định số 498/2000/QĐ -NHNN5	05 tháng 12 năm 2000
71.044	Quyết định số 87/NHNN -QLTD	05 tháng 02 năm 2002
80.000	Quyết định số 576/NHNN -QLTD	06 tháng 09 năm 2002
120.000	Quyết định số 170/NHNN-QLTD	07 tháng 04 năm 2003
200.000	Quyết định số 45/NHNN -HAN7	11 tháng 02 năm 2004
300.000	Quyết định số 89/NHNN -HAN7	21 tháng 01 năm 2005

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Đường Tuấn	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2002
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005

ĐỊA ĐIỂM

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại B7 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có một (1) Trụ sở Chính, tám (8) chi nhánh ở Hà Nội, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, và sáu (6) phòng giao dịch.

Chi tiết các chi nhánh của Ngân hàng như sau:

	<i>Địa chỉ</i>	<i>Được NHNN chấp thuận theo</i>
Trụ sở chính	B7 Giảng Võ, Hà Nội	Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.
Chi nhánh Hàm Long	67C Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	Quyết định số 90/2001/QĐ -NHNN ngày 7 tháng 2 năm 2001.
Chi nhánh Quảng Ninh	Phố Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Quyết định số 1286/2001/QĐ -NHNN ngày 10 tháng 10 năm 2001.
Chi nhánh Thanh Quan	57 Phố Hàng Cót, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	Quyết định số 716/NHNN-TD ngày 12 tháng 12 năm 2001.
Chi nhánh Bắc Ninh	119 Trần Phú, Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.	Quyết định số 1422/NHNN -CNH ngày 18 tháng 12 năm 2002.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	83 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận I, TP Hồ Chí Minh	Quyết định số 440/NHNN -CNH ngày 6 tháng 5 năm 2003
Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	118 Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội.	Quyết định số 483/NHNN -HAN7 ngày 16 tháng 9 năm 2003
Chi nhánh Xuân Thủy	239 đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Quyết định số 325/NHNN -HAN7 ngày 25 tháng 6 năm 2003
Chi nhánh Vạn Phúc	2C Vạn Phúc, đường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Quyết định số 361/NHNN -HAN7 ngày 30 tháng 5 năm 2005

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có một công ty con. Chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Được thành lập theo đăng ký kinh doanh số</i>	<i>Lĩnh vực hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng</i>
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Quốc gia.	Thị trường vốn	100%

Mặc dù Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội (Công ty) đã được cấp phép hoạt động trong năm 2005 nhưng đến đầu năm 2006 Ngân hàng mới thực hiện chuyển vốn cho Công ty và kể từ lúc đó Công ty mới thực sự tiến hành hoạt động kinh doanh. Do vậy, Ban Giám đốc Ngân hàng quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

2 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"), được lập theo Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005, Quyết định số 1145/QĐ ngày 18 tháng 10 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3); và
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về Ban hành và Áp dụng Sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam

và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới áp dụng

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán (VAS) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ năm 2005 như sau:

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế Thu nhập Doanh nghiệp;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 22 - Trình bày Bổ sung Báo cáo Tài chính của Ngân hàng và Tổ chức Tài chính Tương tự;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 - Các Sự kiện Phát sinh sau ngày Kết thúc Kỳ Kế toán năm;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa Niên độ;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo Bộ phận; và
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi Chính sách Kế toán, Ước tính Kế toán và các Sai sót.

Những quy định này có hiệu lực trong năm 2005 và không yêu cầu điều chỉnh đối với các số dư năm trước. Tuy nhiên, một số khoản mục so sánh đã được phân loại lại trong báo cáo tài chính của Ngân hàng để thống nhất với cách trình bày trong năm hiện hành.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Cho vay và ứng trước cho khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng được thể hiện bằng số dư vào ngày cuối năm tài chính.

2.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định 493. Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

<i>Nhóm</i>	<i>Tên</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% trên tổng dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 cộng với giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng sẽ được Ngân hàng duy trì và trích lập đầy đủ sau 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005.

Dự phòng rủi ro tín dụng được ghi nhận là chi phí trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại. Dự phòng rủi ro tín dụng được sử dụng để xử lý tổn thất tín dụng khi phát sinh. Ngân hàng thành lập Hội đồng xử lý rủi ro Tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ thuộc nhóm 5, hoặc khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, hoặc cá nhân bị chết hay mất tích.

2.6 Đầu tư vào chứng khoán

(i) Chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn gồm tín phiếu, trái phiếu, công trái và trái phiếu do Chính phủ phát hành, các chứng khoán nợ do các ngân hàng quốc doanh khác và các tổ chức ở Việt Nam phát hành và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận lần đầu theo giá gốc, tương ứng với giá trị hợp lý bỏ ra để có được chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ một khoản giảm giá nào của loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán ngoài các loại nêu trên, ban đầu được xác định theo giá gốc tương ứng với giá trị hợp lý bỏ ra để có được chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp lãi suất thực. Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ một khoản giảm giá nào của loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.7 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi giảm tài sản trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận là chi phí lãi được tính theo lãi suất thực tế.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi tăng tài sản trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận là thu nhập lãi được tính theo lãi suất thực tế.

2.8 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.9 Đầu tư góp vốn mua cổ phần

Các khoản đầu tư góp vốn được hạch toán theo giá gốc. Dự phòng sẽ được trích lập khi các khoản đầu tư có dấu hiệu bị giảm giá.

2.10 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Văn phòng và nâng cấp văn phòng	25 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là những bất động sản được sử dụng để cho thuê thay vì i) để sản xuất hay cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc phục vụ cho hoạt động quản lý; hoặc ii) bán đi trong kỳ kinh doanh.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận lần đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được ghi nhận sẽ được tính vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi mà doanh nghiệp có thể nhận được thêm lợi ích kinh tế trong tương lai so với đánh giá hiệu quả ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhà văn phòng 25 - 30 năm

Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị ròng thu được khi bán bất động sản đầu tư sẽ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay bị quá hạn sẽ không được ghi nhận. Lãi dự thu bị quá hạn được chuyển ra tài khoản ngoại bảng cho đến khi thực thu.

Phí và hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà do Ngân hàng sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

2.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận bằng giá trị dự kiến phải thu hoặc phải trả cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và luật thuế hiệu lực tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận theo phương pháp nợ phải trả cho những chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc công nợ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ công nợ thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc công nợ của giao dịch không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/(lỗ) tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai có sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc công nợ của giao dịch không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/(lỗ) tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Ngân hàng phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các khoản ghi giảm này cần phải hoàn nhập khi xác định chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế.

2.14 Tiền và các khoản tương đương

Tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi thành lượng tiền xác định và đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao dịch; trừ đi các khoản tiền gửi của các ngân hàng khác đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi.

2.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tài sản và các công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng Cân đối Kế toán (xem danh mục tỷ giá quy đổi ngoại tệ sang đồng Việt Nam được áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005 ở Thuyết minh số II.37). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được thực hiện thông qua nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh để hạch toán vào thu nhập và chi phí. Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập Bảng Cân đối Kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.16 Tài sản quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.17 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng được báo cáo trong vốn chủ sở hữu. Các ước tính này được thực hiện cần thiết phải dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản dự phòng sau này.

2.18 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên Bảng Cân đối Kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

II. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(xem phần Tiếng Anh trang 95 đến trang 110)